

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1052*/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương và Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 244/QĐ-BNV ngày 22 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 3. Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục KSTTHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Trung tâm thông tin (đăng tải website);
- Lưu: VT, Ban TĐKTTW.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Thị Hà

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Được quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1052/QĐ-BNV ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2010/NĐ-CP NGÀY 15/4/2010 CỦA CHÍNH PHỦ, NGHỊ ĐỊNH SỐ 39/2012/NĐ-CP NGÀY 27/4/2012 CỦA CHÍNH PHỦ, NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2014/NĐ-CP NGÀY 01/7/2014 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính cấp Trung ương			
1	Thủ tục khen thưởng Huân chương sao vàng cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
2	Thủ tục khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
3	Thủ tục khen thưởng Huân chương Độc lập cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
4	Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
5	Thủ tục khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân có thành tích	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)

	thực hiện nhiệm vụ chính trị		
6	Thủ tục khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
7	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
9	Thủ tục phong tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
10	Thủ tục phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
11	Thủ tục phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
12	Thủ tục phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
13	Thủ tục phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
14	Thủ tục phong tặng danh hiệu Nghệ sỹ nhân dân, Nghệ sỹ ưu tú	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
15	Thủ tục phong tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
16	Thủ tục phong tặng Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
17	Thủ tục tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
18	Thủ tục khen thưởng Huân chương lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất.	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)

19	Thủ tục khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
20	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích đột xuất;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
21	Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
22	Thủ tục khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân có thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
23	Thủ tục tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
24	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
25	Thủ tục khen thưởng Huân chương Sao vàng cho cá nhân có quá trình cống hiến;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
26	Thủ tục khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho cá nhân có quá trình cống hiến;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
27	Thủ tục khen thưởng Huân chương Độc lập cho cá nhân có quá trình cống hiến;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
28	Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho cá nhân có quá trình cống hiến;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
29	Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
30	Thủ tục khen thưởng Huân chương Hữu nghị cho tập	Quản lý nhà nước về thi đua,	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen

	thể, cá nhân người nước ngoài;	khen thưởng	thưởng Trung ương)
31	Thủ tục khen thưởng Huy chương Hữu nghị cho cá nhân người nước ngoài;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
32	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân người nước ngoài.	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
33	Thủ tục tặng thưởng Huân chương Quân công	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
34	Thủ tục tặng thưởng Huân chương Dũng cảm	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
35	Thủ tục tặng thưởng Huân chương Hữu nghị	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
36	Thủ tục tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)
37	Thủ tục phong tặng Tỉnh anh hùng	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
38	Thủ tục phong tặng Thành phố anh hùng	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc

			Trung ương
2	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
4	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
5	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
6	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
7	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
III. Thủ tục hành chính cấp huyện			
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.

	vụ chính trị;		
2	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
3	Thủ tục tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
4	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
5	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
6	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
7	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
8	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.
IV. Thủ tục hành chính cấp xã			
1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	UBND cấp xã.
2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	UBND cấp xã.
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất;	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	UBND cấp xã.
4	Thủ tục danh hiệu Gia đình văn hóa.	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	UBND cấp xã.
5	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.	Quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	UBND cấp xã.

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mục I

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Sao vàng cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình.

+ Đối với Nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với đất nước Việt nam:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Sao vàng để tặng cho bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng; tổng cục thuộc bộ; tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập) và tương đương, có bề dày truyền thống, có công lao, cống hiến to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, thành tích có phạm vi ảnh hưởng rộng hoặc tập thể có chức năng, nhiệm vụ đặc biệt, nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh đạt tiêu chuẩn sau:

Đã được tặng thưởng "Huân chương Hồ Chí Minh" từ 25 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc, có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập.

2. Huân chương Sao vàng để tặng, truy tặng cho cá nhân có công lao to lớn, có công trình, tác phẩm đặc biệt xuất sắc, có tác động sâu rộng, tạo ra sự chuyển biến tích cực, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển ở một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác của đất nước, được Nhà nước thừa nhận, tôn vinh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 01

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 02

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:
- Quê quán:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

II. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị.

1 Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ

trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình.

+ Đối với người nước ngoài có công lao to lớn đối với dân tộc Việt Nam:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trường ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Hồ Chí Minh để tặng cho bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng; tổng cục thuộc bộ, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập) và tương đương có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn có phạm vi ảnh hưởng rộng hoặc tập thể có chức năng, nhiệm vụ đặc biệt, lập được thành tích xuất sắc, nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, đạt tiêu chuẩn sau:

Đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất hoặc Huân chương Quân công hạng Nhất từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập.

2. Tập thể đã được tặng thưởng "Huân chương Hồ Chí Minh" lần thứ nhất và 15 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được xét tặng thưởng "Huân chương Hồ Chí Minh" lần thứ hai.

3. Huân chương Hồ Chí Minh để tặng, truy tặng cho cá nhân có công lao to lớn có công trình, tác phẩm đặc biệt xuất sắc, có tác động sâu rộng, tạo ra sự chuyển biến tích cực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển ở một lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác của đất nước, được Nhà nước thừa nhận, tôn vinh.

4. Cá nhân, tập thể người nước ngoài có công lao đặc biệt to lớn đối với Nhà nước Việt Nam, được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận, tôn vinh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....

(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

		quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

III. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Độc lập cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng thưởng Huân chương của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Độc lập hạng Nhất để tặng cho tổng cục, cục thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương; các công ty trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tương đương trở lên; cấp sở, cấp huyện thuộc tỉnh và tương đương; xã, phường, thị trấn, đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhì từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 4 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ" và 1 lần được tặng "Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ.

b) Có 4 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và có 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

2. Huân chương Độc lập hạng nhất để tặng, truy tặng cho cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa

học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao và các lĩnh vực khác được Nhà nước công nhận, tôn vinh.

3. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể nước ngoài có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam, được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận, tôn vinh, được xét tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng nhất.

4. Huân chương Độc lập hạng nhì để tặng cho tổng cục, cục thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và tương đương trở lên; các công ty trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tương đương trở lên; cấp sở, cấp huyện thuộc tỉnh và tương đương; xã, phường, thị trấn, đã được tặng thưởng "Huân chương Độc lập" hạng ba từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 3 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng "Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ".

b) Có 3 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và có 2 lần tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

5. Huân chương Độc lập hạng nhì để tặng, truy tặng cho cá nhân lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao và các lĩnh vực khác, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị;

6. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận, tôn vinh, được xét tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhì.

7. Huân chương Độc lập hạng ba để tặng cho tổng cục, cục thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và tương đương trở lên; các công ty trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tương đương trở lên; cấp sở, cấp huyện thuộc tỉnh và tương đương; xã, phường, thị trấn, đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhân tố mới, mô hình mới và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 2 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ.

b) Có 2 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

8. Huân chương Độc lập hạng ba để tặng, truy tặng cho cá nhân lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công

nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

9. Người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài, tập thể nước ngoài có thành tích xuất sắc đối với Nhà nước Việt Nam, được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận, tôn vinh được xét tặng “Huân chương Độc lập” hạng ba.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, hen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 01

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

IV. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau:

Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 4 lần được công nhận sáng kiến áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

2. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân có nhiều sáng kiến làm lợi trên 2 tỷ đồng và có nhiều đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

b) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 7 năm trở lên, được nhân rộng trong toàn quốc

3. “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt tiêu chuẩn sau:

Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 1 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành,

tin, đoàn thể trung ương hoặc có 4 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

4. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau:

Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 3 lần được công nhận sáng kiến áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

5. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân có nhiều sáng kiến làm lợi trên 1 tỷ đồng và có nhiều đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

b) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 5 năm trở lên, được nhân rộng trong cấp tỉnh.

6. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt tiêu chuẩn sau:

Đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 1 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc 1 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" và 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

7. Huân chương Lao động hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau đây:

Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 2 lần được công nhận sáng kiến áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương.

8. Đối với công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có sáng kiến đã được ứng dụng trong thực tiễn

mang lại hiệu quả có phạm vi ảnh hưởng trong cấp huyện và tương đương, được cấp huyện và tương đương công nhận hoặc

a) Công nhân có nhiều sáng kiến làm lợi trên 500 triệu đồng, có nhiều đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề,

b) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 3 năm, được nhân rộng trong cấp huyện

11. Huân chương Lao động hạng ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt tiêu chuẩn sau:

Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 05 tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc 1 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 2 Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 01

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

ĐỀ NGHỊ KHEN.....
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

V. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân và thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến công.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Chiến công hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, công an xã, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm khuyết điểm lớn;

b) Chủ động, mưu trí, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

c) Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quốc, được Nhà nước ghi nhận.

2. Huân chương Chiến công hạng nhất để tặng cho tập thể trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

c) Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quốc, được Nhà nước ghi nhận.

3. Huân chương Chiến công hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, công an xã, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm khuyết điểm lớn;

b) Chủ động, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

c) Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân hoặc toàn lực lượng công an nhân dân hoặc trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, được cấp Bộ, ngành, địa phương ghi nhận.

4. Huân chương Chiến công hạng nhì để tặng cho tập thể trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

c) Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân hoặc toàn lực lượng công an nhân dân hoặc trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, được cấp Bộ, ngành, địa phương ghi nhận.

5. Huân chương Chiến công hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, công an xã, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm khuyết điểm lớn;

b) Mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

c) Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục hoặc cấp huyện, được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

6. Huân chương Chiến công hạng ba đề tặng cho tập thể trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

b) Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

c) Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục hoặc cấp huyện, được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 01

Tính (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:
 - Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
 - Quá trình thành lập và phát triển;
 - Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.
2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 02

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:
- Quê quán:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

VI. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét, đề xuất trường hợp đủ tiêu chuẩn, thông qua Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp tỉnh xem xét; đối với các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp Bộ, Ban, ngành, đoàn thể Trung ương xem xét. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng thưởng Huân chương của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban

Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Huân chương Đại đoàn kết dân tộc để tặng hoặc truy tặng cho người có công lao xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Có công đóng góp hoặc có sáng kiến trong việc đề xuất những chủ trương và có thành tích vận động các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tổ chức thực hiện có hiệu quả, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Có quá trình cống hiến liên tục cho sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân tộc, đã giữ các chức vụ là Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 10 năm trở lên hoặc có ít nhất 15 năm liên tục đảm nhiệm chức vụ cấp trưởng của các tổ chức thành viên trong hệ thống Mặt trận từ cấp tỉnh trở lên.

Các đối tượng nêu trên nếu đã được tặng hoặc truy tặng Huân chương các loại sao vàng, Độc lập, Lao động theo quy định tại khoản 1 các Điều 17,18, 19, 20, 21, 22, 26, và 27 của Nghị định số 65/2014/NĐ-CP thì chưa xét tặng (hoặc truy tặng) “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”.

3. Các nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, người dân tộc thiểu số, các doanh nhân tiêu biểu và người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích xứng đáng trong việc vận động, xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam công nhận, đề nghị.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỜNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG.....

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):

Bí danh:

Nam, nữ:

- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):
- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đang, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KÝ LUẬT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

VII. Thủ tục Tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tặng hay không tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hoặc không tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 02 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;
2. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;
3. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 01

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)**

**Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)**

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
 - Quá trình thành lập và phát triển;
 - Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.
2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)**

VIII. Thủ tục Tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ Chính trị

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hay không tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hoặc không tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính)

c) Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 5 năm tiếp theo liên tục được công nhận có sáng kiến áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp huyện hoặc tương đương;

c) Công nhân có từ 3 sáng kiến trở lên có giá trị làm lợi trên 300 triệu đồng và có nhiều đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

d) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 2 năm trở lên, được nhân rộng trong cấp huyện.

3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) Đã được tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 1 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, có đóng góp lớn về vật chất, tài sản và đất đai cho địa phương và xã hội, có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 01

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài

nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN Mẫu số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):

- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:
- Quê quán:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

IX. Thủ tục Phong tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước,

Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

- Bước 2: Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tặng (hoặc không tặng) danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng (hoặc không tặng) danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực và trích lục ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình. Các trường được đề nghị Thủ tướng Chính phủ phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính).

c) Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng."

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, thành tích, sáng kiến, đề tài khoa học của cá nhân đó đem lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc và được xét tặng thưởng vào năm liền kề sau năm xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương lần thứ hai.

2. Mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học do Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công

nhận. Hiệu quả của sáng kiến, đề tài khoa học được đánh giá trên cơ sở so sánh thực tế kết quả công việc sau khi áp dụng sáng kiến, đề tài so với thời điểm chưa áp dụng sáng kiến, đề tài đó.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 02

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm: Giới tính:
- Quê quán:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đang, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

X. Thủ tục Phong tặng Danh hiệu Anh hùng lao động

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ, qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trên cơ sở đề nghị của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, ý kiến đề nghị của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương và của các cơ quan có chức năng liên quan, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (có ý kiến đề nghị bằng văn bản của cấp ủy Đảng cùng cấp);

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu Anh hùng có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng. Các trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

b) Hồ sơ Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng. Việc xem xét hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Danh hiệu Anh hùng Lao động để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có đạo đức, phẩm chất cách mạng.

2. Danh hiệu Anh hùng Lao động để tặng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; nội bộ đoàn kết tốt, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 04

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG.....**

Tên tập thể đề nghị
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Chức năng nhiệm vụ được giao: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...).

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**
**TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG) DANH HIỆU ANH HÙNG.....

Họ tên, chức vụ và đơn vị công tác của cá nhân đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

1. Sơ lược lý lịch:

- Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác (hoặc trước khi hy sinh, tử trận):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia đoàn thể):
- Ngày, tháng, năm hy sinh (hoặc tử trận):

2. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo, công tác (chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...).

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước¹.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen
-----	-----------	--

	khen thưởng	thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

XI. Thủ tục Phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng do Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ, qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trên cơ sở đề nghị của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, ý kiến đề nghị của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương và của các cơ quan có chức năng liên quan, Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (có ý kiến đề nghị bằng văn bản của cấp ủy Đảng cùng cấp);

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu Anh hùng có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng. Các trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

b) Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng. Việc xem xét hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có đạo đức, phẩm chất cách mạng.

2. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân để tặng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nội bộ đoàn kết tốt; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**DON VỊ CẤP
TRÊN**

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG.....**

Tên tập thể đề nghị

(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Chức năng nhiệm vụ được giao: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...).

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**
**TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG) DANH HIỆU ANH HÙNG.....

Họ tên, chức vụ và đơn vị công tác của cá nhân đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

1. Sơ lược lý lịch:

- Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác (hoặc trước khi hy sinh, từ trần):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia đoàn thể):
- Ngày, tháng, năm hy sinh (hoặc từ trần):

2. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo, công tác (chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...).

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

XII. Thủ tục Phong tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương) chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng. Việc tặng hoặc truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được tiến hành hàng năm nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 tháng 12.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Danh sách trích ngang các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

b) Hồ sơ Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương và danh sách trích ngang các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng”.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trường ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen

thường Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng, truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng để tặng hoặc truy tặng cho những Bà mẹ có nhiều công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

XIII. Thủ tục Phong tặng Danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

Bước 3. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng cấp Nhà nước về các danh hiệu và các cơ quan có chức năng liên quan trong thời gian 10 ngày, Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo (kèm theo danh sách);
- Tóm tắt thành tích cá nhân, có xác nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

c) Hồ sơ Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn

bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Danh hiệu Nhà giáo nhân dân được xét tặng cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã được phong tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm xuất sắc, có công lớn trong sự nghiệp giáo dục, có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và trong xã hội, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.”

2. Danh hiệu Nhà giáo ưu tú được xét tặng cho những nhà giáo trong các nhà trường, các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cán bộ quản lý giáo dục đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm, có công trong sự nghiệp giáo dục, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

XIV. Thủ tục Phong tặng Danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú.

Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

Bước 3. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng cấp Nhà nước về các danh hiệu và các cơ quan có chức năng liên quan trong thời gian 10 ngày, Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kèm theo danh sách);
- Tóm tắt thành tích cá nhân, có xác nhận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

c) Hồ sơ Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng danh hiệu vinh dự Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân được xét tặng cho đối tượng gồm diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ, phát thanh viên hoạt động trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều công hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 20 năm trở lên; riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 15 năm trở lên; được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước;

d) Sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tiếp tục được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

2. Danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú được xét tặng cho đối tượng gồm diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ, phát thanh viên hoạt động trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ nhân dân, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;

c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 15 năm trở lên; riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 10 năm trở lên; được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

3. Danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 02 tháng 9.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

XV. Thủ tục phong tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Bộ Y tế soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú.

Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

Bước 3. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng cấp Nhà nước về các danh hiệu và các cơ quan có chức năng liên quan trong thời gian 10 ngày, Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định trao tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị phong tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Bộ Y tế (kèm theo danh sách);
- Tóm tắt thành tích cá nhân, có xác nhận của Bộ Y tế;
- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

c) Hồ sơ Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng danh hiệu vinh dự Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, được xét tặng cho bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế, đã được phong tặng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng và có nhiều thành tích xuất sắc trong phòng bệnh, chữa bệnh, phát triển khoa học kỹ thuật về y tế, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân, được người bệnh và đồng nghiệp tin cậy, kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.”

2. Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú được xét tặng cho bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng, có nhiều thành tích xuất sắc trong nghề, được nhân dân, người bệnh và đồng nghiệp tín nhiệm;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

3. Danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27 tháng 02.”

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

XVI. Thủ tục Phong tặng Danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú”

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

Bước 3. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng cấp Nhà nước về các danh hiệu và các cơ quan có chức năng liên quan trong thời gian 10 ngày, Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Bộ quản lý nhà nước về danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú đề nghị (kèm theo danh sách);

- Tóm tắt thành tích cá nhân, có xác nhận của Bộ quản lý nhà nước danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng cấp Nhà nước.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

c) Hồ sơ Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng danh hiệu vinh dự Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Danh hiệu Nghệ nhân nhân dân được xét tặng cho cá nhân đã được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên;
- c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.

2. Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên;

c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương”.

3. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” được xét và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 02 tháng 9.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

XVII. Thủ tục xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước

i. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước do Hội đồng cấp Nhà nước về lĩnh vực khoa học, công nghệ và Hội đồng cấp Nhà nước về lĩnh vực văn học, nghệ thuật xét, trình Thủ tướng Chính phủ qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

Giải thưởng Hồ Chí Minh xét và công bố 05 năm một lần, Giải thưởng Nhà nước xét và công bố 05 năm một lần vào dịp Quốc khánh 2 tháng 9.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng cấp Nhà nước về Giải thưởng và Nghị định của Chính phủ (do Bộ Khoa học và Công nghệ soạn thảo) quy định tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, trong thời gian 10 ngày, Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Báo cáo thành tích và các văn bản, tư liệu của tác giả có liên quan đến công trình, tác phẩm, cụm công trình, cụm tác phẩm, có xác nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng giải thưởng cấp Nhà nước.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

c) Hồ sơ Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước” ;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn

bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định của Chủ tịch nước tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1. Giải thưởng Hồ Chí Minh được xét tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học, nghệ thuật đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đặc biệt xuất sắc;

b) Có giá trị rất cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng;

c) Có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

2. "Giải thưởng nhà nước" được xét tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục, những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội theo tiêu chuẩn sau:

a) Các công trình nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ xuất sắc, có tác dụng nâng cao năng suất lao động, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội;

b) Những sách giáo khoa, giáo trình có giá trị xuất sắc và được sử dụng rộng rãi trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng tốt trong việc giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần đáng kể vào sự phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam.

3. Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng nhà nước cũng được tặng cho người nước ngoài có tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

XVIII. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

c) Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau:

Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao trong toàn quốc hoặc có công trình khoa học hay tác phẩm xuất sắc cấp Nhà nước.

2. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt tiêu chuẩn sau:

Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, ảnh hưởng rộng trong toàn quốc và được cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương công nhận.

3. Người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước Việt Nam được Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận, đề nghị.

4. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt tiêu chuẩn sau:

Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc.

5. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau:

Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao trong bộ, ngành, địa phương hoặc có công trình khoa học hay tác phẩm xuất sắc, tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

6. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau:

Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả có phạm vi ảnh hưởng rộng trong tỉnh và được cấp tỉnh công nhận;

7. Người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước Việt Nam, được các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận, đề nghị.

8. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt tiêu chuẩn sau:

Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

9. Huân chương Lao động hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn sau đây:

Có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có công trình khoa học, nghệ thuật hoặc có sáng kiến, giải pháp hữu ích được Hội đồng khoa học cấp bộ, cấp tỉnh đánh giá xuất sắc, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao, thiết thực.

c) Đối với công nhân, nông dân, người lao động quy định tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có thành tích xuất sắc đột xuất hoặc có sáng kiến đã được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả có phạm vi ảnh hưởng trong cấp huyện và tương đương, được cấp huyện và tương đương công nhận hoặc

10. Huân chương Lao động hạng ba để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt tiêu chuẩn sau:

Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 06

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong.....)**

**Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ không viết tắt)**

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...).

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)**

XCL Thủ tục Khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến công.

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

÷ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng

các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Chiến công hạng nhất

a) Huân chương Chiến công hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sỹ trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, công an xã, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm khuyết điểm lớn;

- Chủ động, mưu trí, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quốc, được Nhà nước ghi nhận.

b) Huân chương Chiến công' hạng nhất để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

- Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quốc, được Nhà nước ghi nhận.

2. Huân chương Chiến công hạng nhì

a) Huân chương Chiến công' hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sỹ trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, công an xã, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm khuyết điểm lớn;

- Chủ động, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân, được cấp Bộ, ngành, địa phương ghi nhận.

b) Huân chương Chiến công hạng nhì để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lực lượng tự vệ, nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

- Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân, được cấp Bộ, ngành, địa phương ghi nhận.

3. Huân chương Chiến công hạng ba

a) Huân chương Chiến công hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, chiến sỹ trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, công an xã, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đã dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm khuyết điểm lớn;

- Mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Binh chủng, Tổng cục, được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

b) Huân chương Chiến công hạng ba để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, dân quân tự vệ và trong các tầng lớp nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

- Trung thành với Tổ quốc và nhân dân; chủ động, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm, đạt hiệu quả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đấu tranh với tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Binh chủng, Tổng cục, được cấp có thẩm quyền ghi nhận, đề nghị.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 06

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong.....)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XX. Thủ tục Tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích đột xuất

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hay không tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hoặc không tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính)

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

“Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích đột xuất.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 06

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong.....)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bạo lực; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XXI. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về phong trào thi đua theo đội hoặc chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động.

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn

thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 07

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua

hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XXII. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân có thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Chiến công.

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương

ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng."

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 07

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....**

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XXIII. Thủ tục tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tặng hay không tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hoặc không tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể có thành tích trong phong trào thi đua được đề nghị tặng danh hiệu thi đua

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 07

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....**

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XXIV. Thủ tục Tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hay không tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hoặc không tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính)

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 07

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XXV. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Sao vàng cho cá nhân có quá trình cống hiến

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng.

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Báo cáo thành tích của cá nhân của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Huân chương Sao vàng để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tham gia cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Bí thư Trung ương Cục, Thường vụ xứ ủy, Bí thư khu ủy, Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương; hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục, có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Có quá trình tham gia liên tục trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân trước ngày 30 tháng 4 năm 1975;

d) Có quá trình công tác liên tục trong kháng chiến chống Mỹ (từ 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, 2 nhiệm kỳ (từ 08 đến 10 năm);

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG.....

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):

Bí danh:

Nam, nữ:

- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):
- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đang, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KÝ LUẬT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

XXVI. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho cá nhân có quá trình công hiến

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương

ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Báo cáo thành tích của cá nhân của các trường hợp đề nghị khen thưởng;
- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Huân chương Hồ Chí Minh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công lao to lớn, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1935 về trước, hoạt động liên tục, có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bí thư, Phó Bí thư tỉnh uỷ, Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương; hoặc được phong quân hàm Trung tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục, có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Xứ uỷ viên, Khu uỷ viên, Bộ trưởng hoặc chức vụ tương đương; hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Có quá trình tham gia liên tục trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc chức vụ tương đương 1 nhiệm kỳ (từ 3 đến 5 năm); hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Có quá trình công tác liên tục trong kháng chiến chống Mỹ (từ 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ 1 nhiệm kỳ (từ 3 đến 5 năm);

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc các chức vụ tương đương liên tục 2 nhiệm kỳ (từ 8 đến 10 năm); hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 10 năm trở lên;

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG.....

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
 Bí danh: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:

- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):

- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KÝ LUẬT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN

(Ký, đóng dấu)

XXVII. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Độc lập cho cá nhân có quá trình cống hiến

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

đề nghị tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh của cá nhân, Bộ, ban, ngành, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của cá nhân của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Độc lập hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945, hoạt động liên tục, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Thứ trưởng hoặc chức vụ tương đương hoặc được phong quân hàm Trung tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Tham gia hoạt động liên tục trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), có thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bộ trưởng và chức vụ tương đương; Khu ủy viên, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Thường vụ Quốc hội, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, liên tục 2 nhiệm kỳ (từ 8 đến 10 năm); hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Tham gia hoạt động liên tục trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (từ 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), đã có nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, liên tục 1 nhiệm kỳ (từ 3 đến 5 năm); hoặc được phong quân hàm Đại tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bộ trưởng và chức vụ tương đương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Thường vụ Quốc hội, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, 3 nhiệm kỳ (từ 13 đến 15 năm); hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 10 năm trở lên;

2. Huân chương Độc lập hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng và chức vụ tương đương, Phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương 1 nhiệm kỳ (từ 3 đến 5 năm);

b) Tham gia hoạt động liên tục trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bộ trưởng và chức vụ tương đương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Thường vụ Quốc hội, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, 1 nhiệm kỳ (từ 3 đến 5 năm);

Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng và chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, liên tục 2 nhiệm kỳ (từ 8 đến 10 năm);

c) Tham gia hoạt động liên tục trong thời kỳ chống Mỹ (từ 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), đã có nhiều thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bộ trưởng và chức vụ tương đương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Thường vụ Quốc hội, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, 2 nhiệm kỳ (từ 8 đến 10 năm); hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 5 năm trở lên;

Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng và chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, 3 nhiệm kỳ (từ 13 đến 15 năm);

3. Huân chương Độc lập hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa, có thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã giữ một trong các chức vụ: Cục trưởng, Vụ trưởng ở Trung ương, Tỉnh ủy viên, Thành ủy viên, Trưởng ban, ngành cấp tỉnh (và chức vụ tương đương) hoặc người tham gia hoạt động liên tục ở chiến trường miền Nam thời kỳ chống Mỹ từ 1964 đến 1975, đã đảm nhiệm chức vụ Huyện ủy viên hoặc chức vụ tương đương trước ngày 30 tháng 4 năm 1975;

b) Tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng và chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương 1 nhiệm kỳ (từ 3 đến 5 năm);

c) Tham gia trong thời kỳ chống Mỹ (từ 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), có thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bộ trưởng và chức vụ tương đương, Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, Thường vụ Quốc hội, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, 1 nhiệm kỳ (từ 3 đến 5 năm); hoặc được phong quân hàm Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân;

Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng và chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, 2 nhiệm kỳ (từ 8 đến 10 năm);

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KỶ LUẬT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

XXVIII. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Lao động cho cá nhân có quá trình cống hiến

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động.

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó

tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Các bước thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

+ Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài:

Thành phần hồ sơ gồm có: Tờ trình của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho các cá nhân sau:

a) Được công nhận là cán bộ tiên khởi nghĩa, có thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng ở trung ương, Phó Trưởng ban, ngành cấp tỉnh và chức vụ tương đương;

b) Tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng và chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương;

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, từ 10 năm trở lên;

c) Tham gia thời kỳ chống Mỹ (từ 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), có nhiều thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Bộ trưởng và chức vụ tương đương, Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Thường vụ Quốc hội, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương;

Phó Trưởng ban của Đảng ở Trung ương, Thứ trưởng và chức vụ tương đương, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó trưởng đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, từ 5 năm trở lên;

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, từ 15 năm trở lên.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho các cá nhân sau:

a) Tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), hoạt động liên tục, có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (thời gian giữ chức vụ từ 6 năm đến dưới 10 năm);

Giám đốc Sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Phó Vụ trưởng và các chức vụ tương đương, từ 10 năm trở lên;

b) Tham gia thời kỳ chống Mỹ (từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), đạt nhiều thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ một trong các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thời gian giữ các chức vụ từ 10 năm đến dưới 15 năm;

Giám đốc Sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Phó Vụ trưởng và các chức vụ tương đương, từ 15 năm trở lên.

3. Huân chương Lao động hạng ba tặng hoặc truy tặng cho các cá nhân sau:

a) Tham gia 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (từ 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975), hoạt động liên tục, có thành tích xuất sắc, không phạm khuyết điểm lớn, đã từng giữ các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thời gian giữ chức vụ 5 năm;

Giám đốc Sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận và Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Phó Vụ trưởng và chức vụ tương đương từ 6 năm đến dưới 10 năm;

b) Tham gia thời kỳ chống Mỹ (từ 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975) hoặc thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay), đạt thành tích xuất sắc, không vi phạm khuyết điểm lớn, đã giữ các chức vụ:

Vụ trưởng, Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thời gian giữ chức vụ từ 6 năm đến dưới 10 năm;

Giám đốc Sở, Trưởng ban, ngành, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận và Trưởng đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Phó Vụ trưởng và chức vụ tương đương từ 10 năm đến dưới 15 năm.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỜNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG.....

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):

Bí danh: Nam, nữ:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Quê quán:

- Nơi thường trú:

- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):

- Chức vụ đề nghị khen thưởng (Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):

- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:

- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):

- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KỶ LUẬT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

XXIX. Thủ tục Khen thưởng Huân chương lao động cho tập thể, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Lao động hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước Việt Nam được Bộ, Ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận, đề nghị.

2. Huân chương Lao động hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước Việt Nam, được các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận, đề nghị.

3. Huân chương Lao động hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của nước Việt Nam, được Bộ, Ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận, đề nghị.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 08

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong sản xuất, công tác; những đóng góp của tập thể (cá nhân) đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Bộ, ngành, địa phương hoặc đối với đất nước Việt Nam.

- Việc chấp hành chính sách, pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán...) và các hoạt động từ thiện, nhân đạo....

- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với Việt Nam.

III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TẶNG THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ
NGHỊ KHEN THƯỞNG XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

XXX. Thủ tục Khen thưởng Huân chương Hữu Nghị cho tổ chức nước ngoài, cá nhân người nước ngoài

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ

trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Hữu nghị.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Huân chương Hữu nghị để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tổ chức nước ngoài đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có tinh thần đoàn kết hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán Việt Nam;

b) Có đóng góp lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của Việt Nam, có nhiều thành tích trong việc củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị và sự hợp tác tốt đẹp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, ngoại giao, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, bảo vệ môi trường, văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác giữa Việt Nam với các nước, các khu vực, liên khu vực, các tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 08

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong sản xuất, công tác; những đóng góp của tập thể (cá nhân) đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Bộ, ngành, địa phương hoặc đối với đất nước Việt Nam.

- Việc chấp hành chính sách, pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán...) và các hoạt động từ thiện, nhân đạo....

- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với Việt Nam.

III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TẶNG THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ
NGHỊ KHEN THƯỞNG XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

XXXI. Thủ tục Khen thưởng Huy chương Hữu Nghị cho cá nhân người nước ngoài

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Huy chương Hữu Nghị do Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam và các Bộ, Ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương (hồ sơ gửi qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)

Huy chương Quân kỳ quyết thắng, Huy chương Vì an ninh Tổ quốc, Huy chương Chiến sỹ vẻ vang các hạng được xét tặng 02 lần vào dịp 19 tháng 5 và Quốc khánh 2 tháng 9 hàng năm do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương các loại (hồ sơ gửi qua Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương)

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huy chương.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huy chương.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng thưởng Huy chương Hữu nghị của Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam và tờ trình kèm theo danh sách của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với Huy chương Quân kỳ quyết thắng, Huy chương Vì an ninh Tổ quốc, Huy chương Chiến sỹ vẻ vang các hạng.

- Bản danh sách trích ngang của các trường hợp đề nghị khen thưởng Huy chương.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen

thường Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu của phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Huy chương Hữu nghị để tặng cho cá nhân người nước ngoài trong thời gian công tác hoặc làm việc tại Việt Nam đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có tinh thần đoàn kết, hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán Việt Nam;

b) Có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị và sự hợp tác tốt đẹp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, bảo vệ môi trường, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác giữa Việt Nam với các nước, các khu vực, liên khu vực, các tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 08

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong sản xuất, công tác; những đóng góp của tập thể (cá nhân) đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Bộ, ngành, địa phương hoặc đối với đất nước Việt Nam.

- Việc chấp hành chính sách, pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán...) và các hoạt động từ thiện, nhân đạo....

- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với Việt Nam.

III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TẶNG THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ
NGHỊ KHEN THƯỞNG XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

XXXII. Thủ tục Tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân người nước ngoài

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bước 2: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hay không tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng hoặc không tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính)

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 08

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....**

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong sản xuất, công tác; những đóng góp của tập thể (cá nhân) đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Bộ, ngành, địa phương hoặc đối với đất nước Việt Nam.

- Việc chấp hành chính sách, pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán...) và các hoạt động từ thiện, nhân đạo....

- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tinh đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với Việt Nam.

III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TẶNG THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ
NGHỊ KHEN THƯỞNG XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

XXXIII. Thủ tục Tặng thưởng Huân chương Quân công

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Quân công.

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Quân công hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ hoạt động liên tục trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không phạm khuyết điểm lớn, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Cán bộ, sĩ quan quân đội nhân dân, công an nhân dân có thời gian phục vụ từ 35 năm trở lên, hoàn thành nhiệm vụ trên cương vị công tác được giao, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hoặc chức vụ tương đương, Đại tướng, Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân từ 5 năm trở lên.

b) Lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quốc.

2. Huân chương Quân công hạng nhất để tặng cho tập thể từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, đã được tặng thưởng "Huân chương Quân công" hạng nhì từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 4 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng "Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ".

b) Có 4 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và có 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ.

3. Huân chương Quân công hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ hoạt động liên tục trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không phạm khuyết điểm lớn, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thời gian phục vụ từ 35 năm trở lên, hoàn thành nhiệm vụ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tư lệnh Quân khu, Tổng cục trưởng thuộc Bộ Công an, hoặc chức danh tương đương được xếp cùng nhóm chức vụ có cùng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, từ 5 năm trở lên.

b) Lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng công an nhân dân.

4. Huân chương Quân công hạng nhì để tặng cho tập thể từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, đã được tặng thưởng "Huân chương Quân công" hạng ba từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu cho cả nước học tập và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 3 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

b) Có 3 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ.

5. Huân chương Quân công hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ hoạt động liên tục trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không phạm khuyết điểm lớn, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thời gian phục vụ quân đội nhân dân, công an nhân dân từ 35 năm trở lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không vi phạm khuyết điểm lớn, đã từng đảm nhiệm một trong các chức vụ: Tư lệnh Quân đoàn, Phó Tổng cục trưởng thuộc Bộ Công an, hoặc chức danh tương đương được xếp cùng nhóm chức vụ có cùng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, từ 5 năm trở lên.

b) Lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương.

6. Huân chương Quân công hạng ba để tặng cho tập thể từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trong quân đội nhân dân, công an nhân dân, đã được tặng thưởng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng nhất từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhân tố mới, mô hình mới và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 2 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 1 lần được tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ".

b) Có 2 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 01

ĐƠN VỊ CẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài

nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 02

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.... tháng....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG.....

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
 Bí danh: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):
- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần):

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác.

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành

		quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KÝ LUẬT

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

XXXIV. Thủ tục Tặng thưởng Huân chương Dũng cảm

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Dũng cảm

- Bước 2. Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

Huân chương Dũng cảm để tặng hoặc truy tặng cho các cán bộ, chiến sỹ Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; dân quân tự vệ, công an xã, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân, không phân biệt lứa tuổi, có hành động dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân; đạt được một trong những tiêu chuẩn sau:

1. Không sợ hy sinh tính mạng, dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân khi gặp hoả hoạn, thiên tai, tai nạn, thảm họa; dũng cảm bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của công dân trước bọn tội phạm hoặc dũng cảm xung phong vào những nơi nguy hiểm do dịch bệnh gây ra nhằm bảo vệ tính mạng của nhân dân; thành tích đạt được có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương sáng trong phạm vi tỉnh, thành phố, khu vực trở lên.

2. Đã hy sinh anh dũng trong khi cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân, được nhân dân kính phục, nêu gương, học tập.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 06

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong.....)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XXXV. Thủ tục Tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ có tờ trình, trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, không đề nghị tặng thưởng Huân chương.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình kèm theo danh sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán Nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Báo cáo thành tích của cá nhân của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

- Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.”

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Báo cáo thành tích theo mẫu tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

1. Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm đặc biệt xuất sắc cấp Nhà nước về quốc phòng, an ninh được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Đã được tặng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhì, có 5 năm tiếp theo trở lên tiếp tục lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc, trong thời gian đó có 4 lần được công nhận sáng kiến áp dụng hiệu quả trong cấp bộ, ngành.

c) Có thời gian phục vụ từ 35 năm trở lên, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên cương vị công tác được giao, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Tư lệnh Quân đoàn, Sư đoàn trưởng, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc chức danh tương đương được xếp cùng nhóm chức vụ có cùng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, từ 10 năm trở lên.

2. Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhất để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc.

b) Đã được tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhì và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 1 lần được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" và 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ hoặc 4 lần được tặng được tặng Cờ thi đua cấp bộ.

3. Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Đã được tặng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, 5 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng công an nhân dân, trong thời gian đó có 3 lần được công nhận sáng kiến áp dụng hiệu quả.

c) Có thời gian phục vụ từ 35 năm trở lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Phó Sư đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, Phó Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc chức danh tương đương được xếp cùng nhóm chức vụ có cùng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, từ 10 năm trở lên.

4. Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng nhì để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng công an nhân dân,

b) Đã được tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 1 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 1 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ hoặc 1 lần được tặng "Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ" và 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ.

5. Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương về quốc phòng, an ninh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

b) Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương, trong thời gian đó có 2 lần được công nhận sáng kiến áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

c) Có thời gian phục vụ từ 30 năm trở lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ: Trung đoàn trưởng, Trung đoàn phó, hoặc chức danh tương đương được xếp cùng nhóm chức vụ có cùng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, từ 10 năm trở lên.

6. Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương.

b) Đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và 05 tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 2 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ hoặc 1 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ và 2 Bằng khen cấp bộ, có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 01

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị

(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài

nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

Tỉnh (thành phố), ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):

- Sinh ngày, tháng, năm:

Giới tính:

- Quê quán:
- Trú quán:
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

**NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH
TÍCH**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--	--	--

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KÝ LUẬT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

XXXVI. Thủ tục Phong tặng Tỉnh anh hùng, thành phố anh hùng

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Thủ tướng Chính phủ qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

- Bước 2. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp cần thiết; sau đó tiến hành làm các thủ tục theo quy định.

- Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương.

- Bước 4. Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng Tỉnh anh hùng, hoặc Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước không phong tặng Tỉnh anh hùng.

2. Cách thức thực hiện

Tiếp nhận hồ sơ các ngày trong tuần tại Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương hoặc qua đường bưu chính

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị tặng thưởng Tinh anh hùng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Thủ tướng Chính phủ qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

- Báo cáo thành tích của các đối tượng được đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng có xác nhận của cấp trình Thủ tướng Chính phủ;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng. Các trường hợp trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.

b) Số lượng hồ sơ gửi Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương: 03 bộ (bản chính).

Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính) gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan.

4. Thời hạn giải quyết

Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng;

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp tỉnh

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng Tỉnh anh hùng.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 04

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG.....

Tên tập thể đề nghị
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Chức năng nhiệm vụ được giao: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...).

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

Mục 2

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Biên bản xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng Bằng khen.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ ND-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 01

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

**NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH
TÍCH**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

II. Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ,

ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng; trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng Cờ thi đua

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 01

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;

- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

III. Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của cấp trình khen.

b) Số lượng hồ sơ: 01bộ (bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định tặng danh hiệu: Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua được đề nghị tặng danh hiệu thi đua.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 02

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN

(Ký, đóng dấu)

IV. Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc;

- Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua -- Khen thưởng của cấp trình khen.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

- Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Vụ, Phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phòng Nội vụ, UBND cấp huyện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định tặng danh hiệu: Tập thể lao động xuất sắc.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể có thành tích trong phong trào thi đua được đề nghị tặng danh hiệu thi đua.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

V. Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Biên bản xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng Bằng khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 07

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....**

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc,

mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

VI. Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng Cờ thi đua

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 07

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....**

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

VII. Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Biên bản xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng Bằng khen.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 06

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong.....)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tinh mạng của nhân dân...).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC
NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

VIII. Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Vụ, phòng, Ban Thi đua – khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Vụ, phòng, Ban Thi đua – Khen thưởng các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của đơn vị thuộc quản lý của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Biên bản xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính)

4. Thời hạn giải quyết

Thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của định của Bộ trưởng, thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng thưởng Bằng khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 08

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG).....**

**Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)**

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong sản xuất, công tác; những đóng góp của tập thể (cá nhân) đối với sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Bộ, ngành, địa phương hoặc đối với đất nước Việt Nam.

- Việc chấp hành chính sách, pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán...) và các hoạt động từ thiện, nhân đạo....

- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với Việt Nam.

III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TẶNG THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÈ
NGHEI KHEN THƯỞNG XÁC
NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)

Mục 3

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND huyện tặng thưởng Bằng khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

Mẫu số 01

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;

- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

TÍCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN

(Ký, đóng dấu)

II. Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng Tập thể Lao động tiên tiến của cấp trình khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến;

- Biên bản bình xét thi đua.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định: Tập thể lao động tiên tiến của định của Chủ tịch UBND cấp huyện

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Theo mẫu phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.
- Mẫu báo cáo thành tích tại phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

**ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số 01

Tỉnh (thành phố), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN.....**
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP
TRÊN TRỰC TIẾP NHẬN XÉT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

III. Thủ tục tặng Danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa;

- Báo cáo thành tích do tập thể được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản bình xét thi đua.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND huyện tặng thưởng Danh hiệu

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

IV. Thủ tục tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.
- Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định khen thưởng
- Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.
- Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị (kèm theo danh sách các nhân được đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở của cấp trình khen.

- Báo cáo thành tích của các cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, trong báo cáo thành tích phải nêu rõ nội dung phát minh, sáng kiến, cải tiến, ứng dụng khoa học, công nghệ, sáng tác hoặc sáng tạo đem lại hiệu quả thiết thực.

- Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trình khen.

- Chứng nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định công nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến ứng dụng khoa học công nghệ, sáng tác hoặc sáng tạo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

V. Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Lao động tiên tiến của cấp trình khen;

- Biên bản bình xét thi đua.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND huyện tặng thưởng Danh hiệu

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013.
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

VI. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng; không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ hành động, thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản bình xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tập thể, Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện tặng Giấy khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

VII. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện tặng Giấy khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

VIII. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Phòng Nội vụ tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, xin ý kiến các cơ quan liên quan, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, phòng Nội vụ thông báo Quyết định, viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

Bước 4. Các trường hợp không được khen thưởng (không đúng đối tượng, không đủ tiêu chuẩn, không đủ hồ sơ hoặc vi phạm pháp luật), Phòng Nội vụ thông báo đến các đơn vị trình khen biết

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Nội vụ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen của cấp trình khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Nội vụ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

Mục 4

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp xã, phường, thị trấn

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã tặng Giấy khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.
- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

II. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND xã hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp xã, phường, thị trấn

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã tặng Giấy khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

III. Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND xã quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Giấy khen;

- Báo cáo thành tích do tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm, trong đó ghi rõ thành tích để đề nghị khen thưởng;

- Biên bản xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã tặng Giấy khen

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là tập thể, cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

IV. Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cấp xã, tổng hợp trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách các Hộ gia đình được đề nghị tặng danh hiệu Gia đình văn hóa;

- Bản tóm tắt thành tích của hộ gia đình trong đó ghi rõ thành tích đề đề nghị công nhận Gia đình văn hóa;

- Biên bản xét khen thưởng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã tặng Gia đình văn hóa.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là hộ gia đình có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua , khen thưởng năm 2013.

V. Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng tiếp nhận đề nghị khen thưởng của các đơn vị thực thuộc.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp, tổng hợp trình Chủ tịch UBND xã quyết định khen thưởng

Bước 3. Khi có Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã, cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng viết bằng, đóng dấu và cấp phát cho đơn vị trình khen.

2. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND xã hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu Lao động tiên tiến;

- Biên bản bình xét thi đua.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

UBND cấp xã.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

8. Lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Không có

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Chủ thể là cá nhân có thành tích được đề nghị khen thưởng

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 39/ 2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/ 2012/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua – Khen thưởng.

- Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013./

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Thị Hà